

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện
một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BCT ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2680/TTr-SCT ngày 20/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương Hải Phòng thực hiện **06 nhiệm vụ** thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng trong quản lý nhà nước quy định tại Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về việc cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

1. Phạm vi ủy quyền: Thực hiện nhiệm vụ địa bàn thành phố Hải Phòng;

2. Thời hạn ủy quyền: Kể từ thời điểm Quyết định ủy quyền này có hiệu lực cho tới ngày 28 tháng 02 năm 2027 (trường hợp Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP được thông qua hoặc ban hành kể từ ngày quyết định này có hiệu lực và có hiệu lực trước ngày 01/3/2027 thì nội dung ủy quyền tương ứng tại quyết định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực).

3. Cách thức thực hiện: Giám đốc Sở Công Thương chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền nêu trên theo đúng các quy định hiện hành; bảo đảm các điều kiện về nguồn nhân lực, tài chính để tổ chức thực hiện việc ủy quyền.

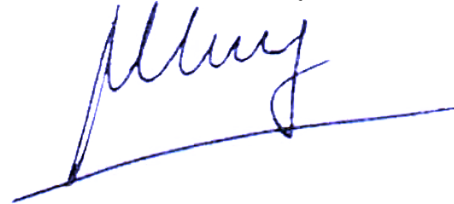
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên và các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- TTTU, TT HĐNDTP;
- CT; các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: XD&CT, NV&KTGS;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, B.Đ.Hùng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Minh Cường

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	NỘI DUNG ỦY QUYỀN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
I	Lĩnh vực Hoá chất	
1	Tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.	Mục 1, phần A, Phụ lục I, Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
2	Cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP; Thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế các kho tồn trữ hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản trả lời cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất địa phương tổ chức nộp hồ sơ, về việc đáp ứng điều kiện theo quy định.	Mục 3, phần A, Phụ lục I, Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
3	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8.	Mục II, phần B, Phụ lục I, Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
II	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu	
1	Cấp Giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa tân trang quy định tại Phụ lục I, II, III, IV và V Nghị định số 77/2023/NĐ-CP ngày 02/11/2023 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương	Mục II, phần B, Phụ lục I, Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA đối với hàng hóa quy định tại Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII Nghị định số 66/2024/NĐ-CP ngày 17/6/2024 của Chính phủ về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Nghị định về quản lý nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len	Mục III, phần B, Phụ lục I, Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

STT	NỘI DUNG ỦY QUYỀN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
III	Lĩnh vực Điện lực	
1	Cấp Giấy phép hoạt động điện lực cho các nhà máy điện rác, điện sinh khối có quy mô công suất dưới 50 MW; các nguồn khác dưới 30 MW theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024 về giấy phép hoạt động điện lực	Mục 1, phần C, Phụ lục I Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ